

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2022

*V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn và
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Anh Đoan
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984,

Địa chỉ: ấp Long Ch, xã Long Kh B, huyện Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Thái B, sinh năm 1967,

Địa chỉ: tổ 01, ấp Phú C A, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị N xin vắng mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh B do mai mối được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp số giấy kết hôn 57/2007, ngày 24/5/2007. Sau khi cưới vợ chồng lên TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai sinh sống chị làm công nhân trong khu

công nghiệp, còn anh B mua bán bên ngoài, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân về kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng cách sống đến năm 2012 chị cùng con về quê ở xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự sống với cha mẹ ruột cho đến nay, sau đó anh B có liên lạc tới lui hàn gắn, nhưng gặp nhau là cãi vã cũng không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thái B

+ Về con chung: Có 01 đứa tên Bùi Thái M, sinh ngày 14/5/2007. Từ nhỏ con sống chung với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Bùi Thái B vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống thống nhất như chị N trình bày. Theo anh sau khi đám cưới vợ chồng lên TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai sinh sống chị N làm công nhân cho công ty còn anh mua bán bên ngoài, thời gian được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2007 chị N bỏ về quê sống với cha mẹ ruột ở Đồng Tháp cho đến nay. Thời gian mỗi người sống mỗi nơi anh có liên lạc gọi điện thăm nom vợ con, mỗi lần liên lạc anh có kêu chị N về sống chung nhưng chị không đồng ý từ đó vợ chồng cự cãi nhau về kinh tế tiền bạc, mỗi lần gọi điện nói chuyện vài câu là cự cãi, có lần anh về nhà bên cha mẹ chị N rước chị N về chung sống nhưng chị N không đồng ý, kéo dài đến năm 2019 anh không liên lạc được. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, vì còn thương vợ, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 01 đứa tên Bùi Thế M, sinh ngày 14/5/2007, từ trước đến nay con sống chung với chị N. Nay ly hôn anh cho rằng hiện nay con chung đã lớn, ý con muốn sống với ai thì người đó nuôi, anh không có ý kiến, nếu con muốn sống với anh thì anh nuôi không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị N yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Bùi Thái B đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh B đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp Phú Cường A, xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên chị Nu khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Chị N xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập do mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ khi có mâu thuẫn xảy ra, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, thường xuyên cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Đến năm 2012 chị N bỏ về quê sinh sống vợ chồng ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh B cũng tạo điều kiện để hàn gắn nhưng khi gặp nhau cãi vã, từ đó mỗi người lo cuộc sống riêng cho mình, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ, để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 đứa tên Bùi Thế M, sinh ngày 14/5/2007, từ trước đến nay cháu sống với chị N. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng, anh B đồng ý phù hợp với nguyện vọng của cháu M. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hiện con chung đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định nên HĐXX giao cháu Bùi Thế M cho chị Nu tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh chị khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh B, chị N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nu là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Bùi Thái B.
- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi Thái B.
- Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Thế M, sinh ngày 14/5/2007 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Bùi Thái B không phải cấp dưỡng cho con.
- Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004203 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Bùi Thái B không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Long Khánh B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Chiến